

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hanh

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 215/2019/TLST - HNGĐ ngày 08/8/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Quỳnh T, sinh năm 1990

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, thôn D, xã TT, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Đội 9, thôn K, xã B, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn D, xã TT, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn D, xã TT, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3.2. Ông Phan Lương Đ1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Đội 9, thôn K, xã B, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Quỳnh T trình bày: Chị và anh Phạm Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 14/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh T1 được thời gian ngắn thì ra ở riêng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được khoảng sáu tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác dẫn đến có con riêng. Chị có khuyên bảo nhưng anh T1 không nghe còn đánh chị, dẫn đến vợ chồng không hòa hợp trong mọi vấn đề của cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đã bỏ nhà đi nhiều lần nhưng nghĩ thương con, chị lại quay về. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Việc anh T1 không đồng ý ly hôn không phải anh T1 còn tình cảm với chị mà mục đích giữ chị ở lại để nuôi con cho anh T1, để anh T1 có thời gian đi với người phụ nữ khác.

Chị và anh T1 có hai con chung là Phạm Trí K1, sinh ngày 13/11/ 2015; Phạm Văn S, sinh ngày 15/ 6/2019. Hiện nay, hai con đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con Phạm Văn S, giao con chung Phạm Trí K1 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn T1 trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên như chị T trình bày là đúng. Hai vợ chồng không có mâu thuẫn thỉnh thoảng có cãi nhau do cô T không tin tưởng về mặt tình cảm vì anh hay đi qua đêm. Lý do anh đi qua đêm là vì anh có mở quán phục vụ xông hơi, mát xa phải ở lại trông quán. Anh xác định không ngoại tình, vẫn chu cấp cho vợ con đầy đủ. Vợ chồng sống cùng nhà, sinh hoạt chung nhưng ngủ riêng. Nay cô T xin ly hôn, anh không đồng ý vì ly hôn các con sẽ phải xa bố mẹ. Khi nào con S đủ 12 tháng tuổi hoặc cô T để anh nuôi cả hai con, anh đồng ý ly hôn, tự nguyện không yêu cầu cô T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng, bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T1. Hiện nay, bà đang ở cùng vợ chồng anh T1, chị T. Quá

trình chung sống, vợ chồng chị T, anh T1 có cãi nhau do chị T nghi ngờ anh T1 có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà có khuyên bảo hai vợ chồng nhưng chị T kiên quyết ly hôn. Bà xác nhận chị T đã bỏ nhà đi nhiều lần chủ yếu vào ban đêm nên không giữ được. Bà xác nhận chị T có gọi điện cho bà đòi phá thai, lý do anh T1 dẫn gái vào nhà nghỉ chị T bắt được. Bà có hỏi anh T1, anh T1 bảo vào nhà nghỉ ngủ là do uống rượu say. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu anh T1 được nuôi con, bà đồng ý hỗ trợ anh T1 trong việc chăm sóc con chung. Về tài sản chung, nợ chung của anh T1, chị T bà xác định không có.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Quỳnh T được ly hôn với anh Phạm Văn T1;

- Về con chung: Giao con chung Phạm Văn S, sinh ngày 15/6/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung Phạm Trí K1, sinh ngày 13/11/ 2015 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Anh T1, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở;

- Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn ngày 14/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Bản thân chị T, anh T1, gia đình hai bên, chính quyền địa phương đều xác

nhận quan hệ vợ chồng chị T, anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. lý do anh T1 không đồng ý ly hôn không phải vì tình cảm vợ chồng mà vì con còn nhỏ là chưa thuyết phục. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Phạm Văn T1 đề nghị được nuôi cả hai con nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, chị T không đồng ý với yêu cầu của anh T1, và cháu Phạm Văn S chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao anh T1 nuôi cháu K1, chị T nuôi cháu S, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai là phù hợp

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Không có yêu cầu, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Quỳnh T được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Văn S, sinh ngày 15/6/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; Giao con chung Phạm Trí K1, sinh ngày 13/11/2015 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005597 ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- L- u hồ sơ,
- Lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Duy Phú